

Số: 65/QĐ-UBND

Xuân Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định của UBND huyện Nghi Xuân về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho UBND xã Xuân Giang;

Căn cứ vào Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân xã Xuân Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019 xã Xuân Giang.

(Có phụ lục kèm chi tiết kèm theo)

Điều 2: Giao ban tài chính phối hợp với các ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2019 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND, Ban tài chính xã và các Ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐND, UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện
- Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, P.Chủ tịch xã;
- Các tổ chức chính trị XH;
- Trưởng các thôn;
- Lưu VT, TCNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tuấn

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG TỔNG SỐ THU	QUYẾT TOÁN 13.202.923	NỘI DUNG CHI TỔNG SỐ CHI	QUYẾT TOÁN 13.202.923
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	121.895	I. Chi đầu tư phát triển	3.804.958
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	6.063.897	II. Chi thường xuyên	6.769.258
III. Thu bổ sung	6.858.679	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.628.707
- Bổ sung cân đối	3.810.104		0
- Bổ sung có mục tiêu	3.048.575		0
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	0	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
V. Thu viện trợ	0		0
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	158.452		0
Kết dư ngân sách			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN GIANG**

Biểu số 117/CK TC-NSNN



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
TỔNG THU	12.176.700	7.617.500	20.918.523	13.202.923	172%	173%
Các khoản thu 100%	110.000	110.000	255.412	121.895		
Thu phí	30.000	30.000	30.665	30.665		
Thu hoa lợi công sản	0	0	0	0		
Thu bù GPMB khi nhà nước thu hồi đất	0	0	0	0		
Thu đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0	0	0		
Thu đóng góp tự nguyện	0	0	0	0		
Thu kết dư ngân sách năm trước	0	0	0	0		
Thu khác	80.000	80.000	224.747	91.230	281%	114%
Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	8.195.700	3.636.500	13.645.980	6.063.897	167%	167%
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	0	0	0		
Thuế nhà đất	40.000	40.000	30.919	30.919	77%	77%
Thuế môn bài	26.700	26.700	24.550	24.550	92%	92%
Thuế phí trước bạ nhà đất	63.000	63.000	237.021	237.021	376%	376%
Thuế quyền sử dụng đất	5.500.000	2.750.000	9.575.431	4.798.054	174%	174%
Thuế nhà ở tư nhân	15.000	10.500	253	0	2%	
AT+TNDN	2.450.000	715.000	3.599.847	899.845	147%	126%
Thuế môi trường	20.000	12.000	46.919	46.919	235%	391%
Thuế tài nguyên	50.000	10.000	125.281	25.056	251%	251%
Thuế thuê mặt đất, nước	31.000	9.300	5.759	1.533	19%	16%
Các khoản thu phân chia khác	0	0	0	0		
Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	0	0		
Thu chuyển nguồn	0	0	158.452	158.452		
Thu kết dư ngân sách năm trước	0	0	0	0		
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.871.000	3.871.000	6.858.679	6.858.679		
Thu bổ sung cân đối	3.871.000	3.871.000	3.810.104	3.810.104		
Thu bổ sung có mục tiêu	0	0	3.048.575	3.048.575		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: 1000 đồng

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
TỔNG CHI	7.617.500	2.759.300	4.858.200	13.202.923	6.431.665	6.771.258	173%	233%	139%
hi AN-QP	622.000	0	622.000	630.422	0	630.422	101%		101%
N GD	507.000	500.000	7.000	40.265	35.165	5.100	8%	7%	73%
N Y tế - DS KHHGD TE	88.000	0	88.000	57.341	0	57.341	65%		65%
N VH TT	90.000	0	90.000	31.509	0	31.509	35%		35%
N TD-TT	30.000	0	30.000	54.022	0	54.022	180%		180%
N Kinh tế	2.101.137	1.919.137	182.000	3.695.414	3.241.446	453.968	176%	169%	249%
N Xã hội	247.216	0	247.216	233.119	0	233.119	94%		94%
N LNN, đảng, đoàn thể	3.846.147	340.163	3.505.984	5.832.124	528.347	5.303.777	152%	155%	151%
hi khác	0	0	0	0	0	0			
hi chuyển nguồn sang năm sau	0	0	0	2.628.707	2.626.707	2.000			
ợy phòng	86.000	0	86.000	0	0	0			